

Chương 5

Kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính

Nội dung Chương 5

- ❖ Phân tích nhóm chỉ số thanh khoản
- ❖ Nhóm chỉ số nợ
- ❖ Nhóm chỉ số hoạt động
- ❖ Nhóm chỉ số khả năng sinh lời
- ❖ Nhóm chỉ số thị trường

1. Nhóm chỉ số thanh khoản

- ❖ Cho biết khả năng trả nợ ngắn hạn của doanh nghiệp, bao gồm:
 - Chỉ số thanh khoản hiện hành (current ratio):

$$R_c = \frac{TSNH}{NNH}$$

- Chỉ số thanh toán nhanh (Quick ratio):

$$R_q = \frac{T + CKTM + PT}{NNH}$$

1. Nhóm chỉ số thanh khoản

- ❖ Chỉ số thanh toán tiền mặt (Cash ratio):

$$R_{tm} = \frac{Tien + CKTM}{NNH}$$

- ❖ Cần lưu ý về tính thanh khoản của các nhóm tài sản ngắn hạn.
- ❖ Để đánh giá khả năng thanh khoản của doanh nghiệp, cần so sánh chỉ số thanh khoản theo ngành.

2. Nhóm chỉ số nợ

- ❖ Tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu (Debt to equity): Đo lường tương quan giữa tổng nợ và VCSH của DN

$$D / E = \frac{Tongno}{TongVCSH}$$

- ❖ Chỉ số nợ trên tổng tài sản (Debt to capital): Đo lường tỷ lệ tài sản được hình thành từ nợ của DN

$$D / A = \frac{Tongno}{Tongtaisan}$$

2. Nhóm chỉ số nợ

❖ Đòn bẩy tài chính (Financial leverage):

$$F / L = \frac{\text{TongTSbình quân}}{\text{TongVCSHBì nhquân}}$$

❖ Khả năng chi trả lãi vay (Interest coverage ratio):

$$I / C = \frac{\text{TongLN truocthuev alai}}{\text{Chiphilaiv ay}}$$

3. Nhóm chỉ số đo lường khả năng sinh lời

- ❖ Tỷ suất lợi nhuận ròng (net profit margin):

$$NPM = \frac{LN_{r\text{ong}}}{DT_{\text{thuan}}}$$

- ❖ Lưu ý: Có thể tính tỷ suất lợi nhuận gộp hoặc tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách thay LN ròng bằng các mức lợi nhuận tương ứng.
- ❖ Chỉ số cho biết khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp từ 1 đồng doanh thu bán hàng.

3. Nhóm chỉ số đo lường khả năng sinh lời

- ❖ Khả năng sinh lời của tổng tài sản (Return on assets – ROA):

$$ROA = \frac{L\text{N}r\grave{o}ng}{TongTS\text{Binh} \quad quan}$$

- ❖ Đo lường khả năng tạo ra lợi nhuận từ tổng tài sản của doanh nghiệp => mang đặc thù ngành kinh doanh.

3. Nhóm chỉ số đo lường khả năng sinh lời

- ❖ Khả năng sinh lời của vốn chủ sở hữu (Return on equity – ROE)

$$ROE = \frac{LN \text{ rong}}{VonCSH \text{ binh quan}}$$

4. Nhóm chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động

❖ Vòng quay hàng tồn kho (Inventory turnover):

$$IT = \frac{Giavonhang \quad ban}{BinhquanHT \quad K}$$

❖ Số ngày hàng tồn kho (Days of inventory):

$$SongayHTK = \frac{360 \quad / \quad 365}{VongquayHT \quad K}$$

4. Nhóm chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động

❖ Vòng quay các khoản phải thu (Receivable turnover):

$$RT = \frac{\text{Doanh thu thuần}}{\text{Phải thu bình quân}}$$

❖ Số ngày phải thu khách hàng (Days of receivable):

$$\text{Số ngày phải thu} = \frac{360 / 365}{\text{Vòng quay phải thu}}$$

4. Nhóm chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động

❖ Vòng quay khoản phải trả (Payable turnover):

$$PT = \frac{SohangSX}{Phaitrabin} / \frac{Muamoi}{hquan}$$

❖ Số ngày phải trả người bán (Days of payable):

$$Songayphai\ tra = \frac{360 / 365}{Vòngquayph\ aitra}$$

4. Nhóm chỉ số đo lường hiệu quả hoạt động

- ❖ Chu kỳ luân chuyển tiền mặt = số ngày phải thu + số ngày hàng tồn kho – số ngày phải trả
- ❖ Vòng quay tổng tài sản (Asset turnover):

$$VongquayTT \quad S = \frac{DTthuan}{TongTSbinh \quad quan}$$

5. Phân tích Dupont

❖ Mục đích phân tích:

- Tính chỉ số tỷ suất sinh lời của vốn chủ sở hữu – ROE
- Phân tích các yếu tố tác động tới ROE của doanh nghiệp.
- Phân tích Dupont 2 nhân tố, 3 nhân tố và 5 nhân tố

6. Kỹ thuật phân tích BCTC

- ❖ Phân tích theo chiều dọc: Các khoản mục trên Bảng CĐKT được thể hiện dưới dạng % của tổng tài sản và các khoản mục trên bảng KQHĐSXKD được trình bày dưới dạng % của doanh thu => cho phép đánh giá các khoản mục của bảng CĐKT cùng như KQ hoạt động SXKD của công ty theo thời gian.
- ❖ Phân tích theo chiều ngang: chỉ số hóa mỗi khoản mục theo giá trị năm cơ sở.

7. Hạn chế của phân tích theo chỉ số

- ❖ Trong nhiều trường hợp, khó xác định nhóm ngành của công ty (hoặc công ty đa ngành)
- ❖ Các số liệu công bố của ngành chỉ mang tính chất tham khảo
- ❖ Chuẩn mực kế toán mà các công ty áp dụng có thể khác nhau (Khi công ty được phép lựa chọn các nguyên tắc khác nhau)
- ❖ Các tỷ lệ tài chính của ngành có thể chưa phải là tiêu chuẩn để so sánh phù hợp
- ❖ Yếu tố thời vụ có thể ảnh hưởng tới các tỷ lệ tài chính
- ❖ Trong một số trường hợp, khó có thể giải thích sự biến động của các tỷ lệ tài chính